

(Phụ lục số 07 ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)
(Promulgated with the Circular No 155/2015/TT-BTC on October 06, 2015 of the Ministry of Finance guiding the Information disclosure on securities markets)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

....., ngày 21 tháng 9 năm 2016
....., 21 9 2016

BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ
NĂM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG
REPORT ON CHANGES IN OWNERSHIP OF MAJOR SHAREHOLDERS/
INVESTORS HOLDING 5% OR MORE OF CLOSED FUND CERTIFICATES

TP. HỒ CHÍ MINH		
Kính gửi:	- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	
Số: 32624	- Sở Giao dịch Chứng khoán	
Ngày: 22/9/16	- Công ty đại chúng/ Công ty quản lý quỹ:	
Chuyển: MS GS yh	HAI AN TRANSPORT AND STEVEDORING JOINT STOCK	
Lưu hồ sơ số:	COMPANY	
To:	- The State Securities Commission	
	- The Stock Exchange	
	- The public company/ The fund management company:	
	HAI AN TRANSPORT AND STEVEDORING JOINT STOCK	
	COMPANY	

1. Thông tin tổ chức đầu tư: *Information of Investor*

- Tên tổ chức: HALLEY SICAV - HALLEY ASIAN PROSPERITY
- Name of institutional investor: HALLEY SICAV - HALLEY ASIAN PROSPERITY
- Quốc tịch:
Nationality: Luxembourg
- Số GPĐKDN:
Incorporation certificate number: 2012 45 00 789
- Ngành nghề kinh doanh chính:
Key business line: Fund
- Địa chỉ trụ sở chính:
Head office address: 7 A Rue Robert Stumper L- 2557 Luxembourg
- Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

PUBLIC

Phone No: +3522619391 Fax: +35227125484 Email:management@aaml.lu

2. Người có liên quan của cá nhân/tổ chức đầu tư (đang nắm giữ cùng loại cổ phiếu/chứng chỉ quỹ) /*Related persons (currently holding the same types of shares/fund certificates):*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức có liên quan /*Full name of related individual/Name of institution; HALLEY SICAV - HALLEY ASIAN PROSPERITY*

- Quốc tịch/ *Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp / *ID card/Passport No. (in case of individual) or Certificate of business registration No. or relevant legal documents (in case of organization), date of issue, place of issue. Incorporation certificate: 2012 45 00 789. (Incorporation certificate number in case of institutional investor):*

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng/ công ty quản lý quỹ (nếu có)/ *Current position at the public company/fund management company (if any):*

- Mối quan hệ với cá nhân/tổ chức đầu tư/ *Relationship with the individual/institutional investor:N/A*

3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/mã chứng khoán sở hữu/ *Name & code of share/fund certificate owned:*

- Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ sở hữu/ *Name of share/fund certificate owned: HAI AN TRANSPORT AND STEVEDORING JOINT STOCK COMPANY*

- Mã chứng khoán sở hữu/ *Securities code:HAH*

4. Các tài khoản giao dịch có chứng khoán nêu tại mục 3/ *Trading account number with shares mentioned in paragraph 3 above:*

Tại công ty chứng khoán/ *In securities company:*

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/ *Number, ownership proportion of shares/fund certificates held before the transaction:*

1,368,370 cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ/ *shares/ fund certificates, tương ứng/ equal to 5.97 %*

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/ chuyển nhượng/ nhận chuyển nhượng/ hoán đổi (làm tỷ lệ sở hữu có thay đổi qua ngưỡng một phần trăm (1%)/ *Number of shares / fund certificate purchase/sell give/ donate/ donated/ inheritance/ transfer/ transferred/ swap (to do percentage of ownership has changed over the threshold of one percent (1%):*

PUBLIC

50,000 cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/ *shares/fund certificates*

7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/ *Number, ownership proportion of shares/fund certificates hold after the transaction:*

1,418,370 cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ/ *shares/ fund certificates, tương ứng/ equal to 6.18 %*

8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng mà người có liên quan đang nắm giữ/ *Number, ownership proportion of shares/ closed fund certificates currently held by the related person:*

9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng cùng người có liên quan nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/ *Number, ownership proportion of shares/fund certificates held by individual/ organization investor and related person after the transaction:*

10. Lý do thay đổi sở hữu/ *Reasons for change in ownership:* Giao dịch/ *Transactions*

11. Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu/ *Date of change in ownership:* 20/09/2016.

12. Các thay đổi quan trọng khác (nếu có)/ *Other significant changes (if any):*

**CÁ NHÂN/TÒ CHỨC BÁO CÁO/
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
NAME OF REPORTING
ORGANIZATION/INDIVIDUAL/PERSONS
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu – nếu có)
(Signature, full name and seal – in case of organization)

